BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 51 /2017/TT-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2017

THÔNG TƯ

Bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản (sau đây gọi là Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT).

Điều 1. Bổ sung Điều 4a Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT như sau:

"Điều 4a. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác

Việc xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác thực hiện bằng một trong các hình thức sau:

1. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được thực hiện đồng thời với quá trình thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản có trách nhiệm xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác đồng thời với quá trình thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

Nội dung xác nhận trữ lượng khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư này.

2. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được thực hiện đồng thời trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản:

a) Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có văn bản gửi Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia (qua Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia) kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để đề nghị xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận trữ lượng khoáng sản, Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản gửi Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác.

Văn bản xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác thực hiện theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân để xác định trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác trong nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

3. Trường hợp trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác bằng trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản thì không phải xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác.

Điều 2. Bổ sung khoản 6 vào Điều 1 Mẫu số 30 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT như sau:

"6. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

Cấp 121: ..... tấn/m^3.

Cấp 122: ..... tấn/m^3.

Các khoáng sản đi kèm (nếu có):

Cấp 121: ..... tấn/m^3.

Cấp 122: ..... tấn/m^3".

Điều 3. Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15. tháng 01. năm 2018.

2. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Thông tư này.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

Phụ lục số 01

Mẫu văn bản xác nhận trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51 /TT-BTNMT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /.... V/v xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác	*Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 201..*

Kính gửi: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam

Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia nhận được Văn bản số:...../ĐCKS-KS ngày...tháng...năm..... của Tổng cục về đề nghị xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác của Dự án khai thác khoáng sản....tại khu vực thuộc xã.....huyện.....tỉnh....

Sau khi xem xét hồ sơ và tài liệu có liên quan và Tờ trình số ... của Văn phòng Hội đồng, Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia xác nhận:

1. Diện tích khu vực đề nghị cấp phép khai thác và trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác nằm trong diện tích thăm dò, phê duyệt trữ lượng (khoáng sản...) đã được Hội đồng phê duyệt/công nhận tại Quyết định số..../QĐ-HĐTL ngày... tháng ... năm ...;

2. Trữ lượng (*khoáng sản...*) được phép đưa vào thiết kế khai thác trong Dự án khai thác (khoáng sản..) tại khu vực..., xã, huyện... tỉnh..., gồm các cấp trữ lượng sau:

Cấp 121: .....tấn/m^3

Cấp 122: ..... tấn/m^3

Mức sâu khối trữ lượng.....

3. Tổng trữ lượng (khoáng sản...) huy động vào dự án khai thác đạt .... % trữ lượng đã được Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia phê duyệt.

4. Trữ lượng khoáng sản được xác nhận nêu trên là căn cứ để xem xét, cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu VPTL	**TM. HỘI ĐỒNG** **CHỦ TỊCH**